

|  |
| --- |
|  |

ISPM 34



VIỆT

Thiết kế và vận hành trạm kiểm dịch thực vật sau nhập khẩu

Ban Thư ký Công ước quốc tế

về Bảo vệ thực vật (IPPC)

TIÊU CHUẨN QUỐC TẾ VỀ

CÁC BIỆN PHÁP KIỂM DỊCH THỰC VẬT

**ISPM 34**

**THIẾT KẾ VÀ VẬN HÀNH TRẠM KIỂM DỊCH**

**THỰC VẬT SAU NHẬP KHẨU**

Được trình bởi Ban Thư ký

Công ước quốc tế về Bảo vệ thực vật

**Thông qua 2010; ban hành 2016**

© FAO 2010

FAO khuyến khích việc sử dụng, in ấn và phổ biến nội dung trong sản phẩm thông tin này. Trừ khi có quy định khác, tài liệu có thể được sao chép, tải xuống và in cho mục đích học tập, nghiên cứu và giảng dạy cá nhân, hoặc để sử dụng trong các sản phẩm hoặc dịch vụ phi thương mại, với điều kiện là xác nhận nguồn của FAO, và không ngụ ý rằng FAO thông qua quan điểm, sản phẩm hoặc dịch vụ của người sử dụng.

Khi in ấn ISPM này, cần lưu ý rằng có thể tải được phiên bản ISPM cập nhật nhất từ trang web [www.ippc.int](http://www.ippc.int).

Tất cả các yêu cầu về quyền dịch thuật và điều chỉnh, bán lại và các quyền sử dụng thương mại khác phải được thực hiện thông qua www.fao.org/contact-us/licence-request hoặc gửi đến [copyright@fao.org](mailto:copyright@fao.org).

Các sản phẩm thông tin của FAO được đăng trên trên trang web của FAO (www.fao.org/publications) và có thể được mua qua [publications-sales@fao.org](mailto:publications-sales@fao.org).

Các chỉ dẫn và tài liệu sử dụng trong sản phẩm thông tin này không ngụ ý thể hiện bất kỳ ý kiến nào của Tổ chức Lương thực và Nông nghiệp Liên Hợp Quốc (FAO) về tình trạng pháp lý hoặc phát triển của bất kỳ quốc gia, lãnh thổ, thành phố nào hoặc khu vực hoặc chính quyền của quốc gia, lãnh thổ, thành phố nào hoặc khu vực đó, hoặc về việc phân định biên giới hoặc ranh giới. Việc đề cập đến các công ty hoặc sản phẩm của các nhà sản xuất cụ thể, dù có bằng sáng chế hay không, cũng không ngụ ý rằng những các công ty hoặc sản phẩm này đã được FAO thông qua hoặc khuyến nghị sử dụng hơn so với các các công ty hoặc sản phẩm khác tính chất tương tự nhưng không được đề cập ở đây.

**Lịch sử ban hành**

*Đây không phải là một phần chính thức của tiêu chuẩn*

04/2002 ICPM-4 ghi *nhận* chủ đề Quy trình Kiểm dịch dịch hại sau nhập khẩu

04/2004 ICPM-6 bổ sung chủ đề *Các phương tiện kiểm dịch sau nhập khẩu* (2004-033)

07/2004 Ủy ban Tiêu chuẩn (SC) thông qua quy chuẩn kỹ thuật 24 *Các phương tiện kiểm dịch thực vật sau nhập khẩu*

05/2005 Nhómchuyên gia (EWG) phát triển bản dự thảo

05/2006 Ủy ban Tiêu chuẩn (SC) yêu cầu ủy viên đóng góp ý kiến

05/2007 Ủy ban Tiêu chuẩn (SC) thay thế ủy viên

05/2008 Ủy ban Tiêu chuẩn SC-7 sửa đổi dự thảo và yêu cầu nhóm chuyên gia (EWG) rà soát

2008 Nhóm chuyên gia EWG sửa đổi dự thảo và gửi qua e-mail

*05*/2009 SC-7 thông qua bản dự thảo để gửi cho MC

06/2009 gửi cho MC

11/2009 Ủy ban Tiêu chuẩn (SC) sửa đổi bản dự thảo

03/2010 CPM-5 Phê chuẩn tiêu chuẩn

**ISPM 34**. 2010. *Thiết kế và vận hành trạm kiểm dịch thực vật sau nhập khẩu*. Rome, IPPC, FAO.

07/2015 Ban Thư ký Công ước quốc tế về Bảo vệ thực vật kết hợp bổ sung mực và định dạng lại tiêu chuẩn theo sự thu hồi quy trình tiêu chuẩn từ CPM-10 (2015).

Lịch sử ban hành: *Điều* chỉnh lần cuối vào tháng 12 năm 2015

MỤC LỤC

[Phê chuẩn 8](#_Toc529366951)

[GIỚI THIỆU 8](#_Toc529366952)

[Phạm vi áp dụng 8](#_Toc529366953)

[Tài liệu viện dẫn 8](#_Toc529366954)

[Định nghĩa 8](#_Toc529366955)

[Khái quát yêu cầu 8](#_Toc529366956)

[TỔNG QUAN 13](#_Toc529366957)

[Xác định yêu cầu kiểm dịch sau nhập khẩu như một biện pháp KDTV 13](#_Toc529366958)

[YÊU CẦU 14](#_Toc529366959)

[1. Yêu cầu chung đối với trạm KDTV SNK 14](#_Toc529366960)

[2. Những yêu cầu cụ thể đối với các trạm KDTV SNK 15](#_Toc529366961)

[2.1 Vị trí 15](#_Toc529366962)

[2.2 Yêu cầu về vật chất 15](#_Toc529366963)

[2.3 Yêu cầu về vận hành 17](#_Toc529366964)

[2.3.1 Yêu cầu đối với cán bộ 17](#_Toc529366965)

[2.3.2 Các qui trình kỹ thuật và vận hành 17](#_Toc529366966)

[2.3.3 Lưu giữ hồ sơ 19](#_Toc529366967)

[2.4 Chẩn đoán và loại bỏ đối tượng KDTV hoặc môi giới truyền dịch hại 20](#_Toc529366968)

[2.5 Kiểm tra trạm KDTV SNK 20](#_Toc529366969)

[3. Hoàn tất quá trình KDTV SNK 20](#_Toc529366970)

[PHỤ LỤC 1: Yêu cầu đối với trạm PEQ 23](#_Toc529366971)

# Phê chuẩn

Tiêu chuẩn này đã được phê chuẩn tại Kỳ họp thứ Năm của Ủy ban các Biện pháp Kiểm dịch thực vật vào tháng 3 năm 2010.

# GIỚI THIỆU

## Phạm vi áp dụng

Tiêu chuẩn này hướng dẫn tổng thể về thiết kế và vận hành trạm kiểm dịch thực vật (KDTV) sau nhập khẩu chuyên lưu giữ hàng thực vật nhập khẩu, chủ yếu là thực vật để làm giống, nhằm xác minh lô hàng có bị nhiễm đối tượng kiểm dịch thực vật hay không.

## Tài liệu viện dẫn

Tiêu chuẩn hiện hành tham khảo các tiêu chuẩn quốc tế về các biện pháp kiểm dịch thực vật (ISPMs). ISPM có sẵn trên Cổng thông tin kiểm dịch thực vật quốc tế (IPP) tại https://www.ippc.int/core-activities/standards-setting/ispms.

## Định nghĩa

Định nghĩa các thuật ngữ kiểm dịch thực vật sử dụng trong tiêu chuẩn này được nêu tại ISPM 5 *(Thuật ngữ và định nghĩa KDTV)*.

## Khái quát yêu cầu

Phân tích nguy cơ dịch hại (PRA) cần được tiến hành nhằm xác định biện pháp KDTV cho các loại hàng hóa thực vật cụ thể. Đối với một số mặt hàng, Tổ chức Bảo vệ thực vật Quốc gia (NPPO) của nước nhập khẩu có thể đưa ra quyết định kiểm dịch sau nhập khẩu được thực hiện nhằm kiểm soát các nguy cơ dịch hại đã được xác định trong quá trình phân tích nguy cơ dịch hại. Cách ly một chuyến hàng thực vật tại trạm kiểm dịch thực vật sau nhập khẩu (KDTV SNK) là một biện pháp KDTV phù hợp trong trường hợp loài dịch hại KDTV khó bị phát hiện, mất quá nhiều thời gian để biểu hiện các dấu hiệu hoặc triệu chứng hoặc khi cần tiến hành thử nghiệm hoặc xử lý.

Để trạm KDTV SNK hoạt động hiệu quả, thiết kế và quản lý cần được đảm bảo rằng bất kì đối tượng kiểm dịch thực vật nào có thể đi theo chuyến hàng thực vật đều phải được ngăn chặn và không được di chuyển hoặc thoát ra khỏi trạm. Trạm KDTV SNK cần đảm bảo chuyến hàng thực vật được lưu giữ theo cách thức có thể tạo điều kiện thuận lợi cao nhất cho việc giám sát, nghiên cứu, kiểm tra thêm, thử nghiệm và xử lý thực vật.

Trạm KDTV SNK có thể bao gồm một khu thực địa, nhà lưới, nhà kính/phòng thí nghiệm cùng những phương tiện khác. Loại hình cơ sở KDTV SNK phụ thuộc vào chủng loại thực vật nhập khẩu và dịch hại kiểm dịch liên quan đến thực vật đó.

Trạm KDTV SNK cần đặt tại địa điểm phù hợp, đáp ứng được những yêu cầu về vật chất và vận hành trên cơ sở đặc điểm sinh học của cả thực vật và các đối tượng kiểm dịch thực vật có tiềm năng đi theo thực vật. Ảnh hưởng của những dịch hại này cũng cần được xem xét.

Các yêu cầu về vận hành đối với trạm KDTV SNK bao gồm chính sách và thủ tục liên quan đến các yêu cầu đối với nhân viên, quy trình kỹ thuật và hoạt động và lưu giữ hồ sơ. Các trạm KDTV SNK cần có hệ thồng phát hiện và giám định đối tượng kiểm dịch thực vật để xử lý, loại bỏ hoặc tiêu hủy những vật liệu thực vật nhiễm dịch hại và những vật liệu khác là nơi ẩn náu của những dịch hại này. Tổ chức Bảo vệ thực vật Quốc gia (NPPO) cần đảm bảo các trạm KDTV SNK được kiểm tra thường xuyên.

# TỔNG QUAN

Thực vật nhập khẩu có khả năng du nhập đối tượng kiểm dịch thực vật. Khi xem xét các biện pháp KDTV cho những hàng hóa thực vật, NPPO cần áp dụng các biện pháp dựa trên các nguyên tắc quản lý nguy cơ (ISPM 1 (Các nguyên tắc kiểm dịch thực vật trong bảo vệ thực vật và áp dụng các biện pháp kiểm dịch thực vật trong thương mại quốc tế )). Để đánh giá các nguy cơ dịch hại và xác định biện pháp KDTV phù hợp đối với những đường lan truyền cụ thể, cần tiến hành phân tích nguy cơ dịch hại (PRA). Đối với nhiều hàng hóa lưu thông quốc tế, NPPO nước nhập khẩu cần xác định các biện pháp quản lý nhằm giảm nhẹ nguy cơ dịch hại mà không cần áp dụng kiểm dịch, cách ly sau nhập khẩu. Tuy nhiên đối với một số mặt hàng, đặc biệt là thực vật làm giống, NPPO cần xác định thời gian cách ly kiểm dịch.

Trong một số trường hợp, NPPO có thể quyết định thời hạn kiểm dịch cần thiết cho một chuyến hàng cụ thể do không thể xác định được sự xuất hiện dịch hại tại nơi nhập cảnh. Điều này cho phép kiểm tra sự xuất hiện của dịch hại và đủ thời gian biểu hiện dấu hiệu hoặc triệu chứng của dịch hại, và có những biện pháp xử lý phù hợp nếu cần thiết.

Mục đích của việc cách ly một chuyến hàng tại trạm KDTV SNK là nhằm ngăn chặn sự lây lan của dịch hại đi theo thực vật. Khi hoàn tất các hoạt động điều tra, thử nghiệm, xử lý và xác minh thì, tùy tình huống thích hợp, chuyến hàng có thể được giải phóng, tiêu hủy hoặc giữ lại làm vật liệu tham chiếu.

Hướng dẫn được mô tả trong tiêu chuẩn này cũng có thể áp dụng cho việc lưu giữ các sinh vật khác trong giai đoạn kiểm dịch (ví dụ, đối tượng kiểm dịch thực vật, sinh vật có ích và các tác nhân phòng trừ sinh học) mà theo đó cần có những yêu cầu cụ thể khác.

## Xác định yêu cầu kiểm dịch sau nhập khẩu như một biện pháp KDTV

Cần tiến hành phân tích nguy cơ dịch hại (PRA) để xác định các biện pháp KDTV cho những hàng hóa thực vật làm giống cụ thể hoặc các thực vật khác theo ISPM 2 (Khung phân tích nguy cơ dịch hại) và ISPM 11 (phân tích nguy cơ dịch hại đối với đối tượng KDTV). PRA xác định nguy cơ dịch hại đi theo thực vật và xác định những biện pháp KDTV, có thể bao gồm kiểm dịch sau nhập khẩu trong một thời gian nhất định nhằm kiểm soát nguy cơ này. Các đặc điểm về vật chất và hoạt động của một trạm KDTV SNK xác định mức độ cách ly của trạm và khả năng ngăn chặn những đối tượng kiểm dịch thực vật khác nhau.

Khi NPPO của nước nhập khẩu xác định biện pháp KDTV sau nhập khẩu, cần đảm bảo biện pháp đó có thể đáp ứng những tiêu chí sau:

- Trạm KDTV SNK hiện thời (bao gồm cả khu cách ly) mà không bị điều chỉnh;

- Sửa đổi về điều kiện vật chất và vận hành trạm KDTV SNK hiện tại;

- Thiết kế và xây dựng trạm KDTV SNK mới;

- Kiểm dịch tại một khu vực hoặc quốc gia khác.

# YÊU CẦU

## 1. Yêu cầu chung đối với trạm KDTV SNK

Các yêu cầu về trạm KDTV SNK đối với các chuyến hàng thực vật cần xem xét đặc tính sinh học của thực vật và đối tượng kiểm dịch và đặc điểm sinh học của bất kì sinh vật môi giới nào có tiềm năng đi theo chúng, đặc biệt là phương thức phát tán và lan truyền. Việc lưu giữ thành công một chuyến hàng thực vật trong khu kiểm dịch đòi hỏi phải ngăn chặn được dịch hại thoát ra ngoài cũng như sinh vật bên ngoài trạm KDTV SNK xâm nhập vào trong trạm và lây truyền dịch hại kiểm dịch ra ngoài khu trạm.

## 2. Những yêu cầu cụ thể đối với các trạm KDTV SNK

Trạm KDTV SNK cần bao gồm một hay nhiều các cơ sở vật chất sau: khu thực địa, khu nhà lưới, nhà kính, phòng thí nghiệm cùng những phương tiện khác. Các trang thiết bị sử dụng tại trạm KDTV SNK cần được xác định bởi chủng loại thực vật nhập khẩu và đối tượng kiểm dịch thực vật đi theo.

NPPO cần xem xét tất cả các vần đề liên quan khi xác định các yêu cầu đối với trạm KDTV SNK (như vị trí, các yêu cầu về vật chất và vận hành, phương tiện xử lý chất thải, hệ thống phát hiện, giám định và xử lý đối tượng kiểm dịch thực vật phải có sẵn và đầy đủ). NPPO cũng cần đảm bảo mức độ ngăn chặn phù hợp được duy trì bởi công tác thanh tra và kiểm tra. Phụ lục 1 hướng dẫn về các yêu cầu đối với trạm KDTV SNK dựa trên đặc tính sinh học của các loại đối tượng kiểm dịch thực vật khác nhau.

### 2.1 Vị trí

Khi xác định vị trí của một trạm KDTV SNK, cần xem xét các vấn đề sau:

- Nguy cơ thoát ra ngoài của dịch hại kiểm dịch;

- Khả năng phát hiện sớm sự thoát ra;

- Khả năng có biện pháp kiểm soát hiệu quả sự thoát ra này.

Các trạm KDTV SNK cần đảm bảo độ cách ly và độ ổn định thích hợp (ví dụ: bị tác động tối thiểu bởi các điều kiện khí hậu và địa chất khắc nghiệt). Cần xem xét tách riêng những thực vật mẫn cảm và các loài thực vật liên quan khác (ví dụ: địa điểm trạm cần cách xa khu sản xuất hoặc canh tác, các khu rừng hoặc vùng có mức độ đa dạng sinh học cao).

### 2.2 Yêu cầu về vật chất

Thiết kế về vật chất của một trạm KDTV SNK cần xem xét những yêu cầu sinh trưởng của thực vật, đặc điểm sinh học của bất kì đối tượng kiểm dịch nào có khả năng đi theo chuyến hàng, chu trình công việc tại trạm và những yêu cầu khẩn cấp cụ thể (ví dụ trong trường hợp mất điện, nước). Các cơ sở văn phòng và cơ sở hạ tầng dịch vụ hỗ trợ phải có sẵn theo yêu cầu và có sự tách biệt thích hợp với thực vật trong trạm PEQ.

Các yêu cầu về vật chất bao gồm:

- Giới hạn của khu trạm

- Cách ly của khu thực địa

- Các khu nội bộ khác nhau với các mức độ cách ly khác nhau

- Các vật liệu kết cấu (tường, sàn, mái, cửa ra vào, lưới chắn và cửa sổ)

- Quy mô của khu trạm (đảm bảo vận hành hiệu quả trạm KDTV SNK và các quy trình liên quan)

- Không gian để phân tách nội bộ các chuyến hành

- Lối ra vào và đi lại trong khu trạm (tránh lối đi lại tại nơi đang gieo trồng thực vật trong thời kỳ kiểm dịch)

- Thiết kế các khoảng hở (cửa ra vào, cửa sổ, ô thoáng khí, hệ thống thoát nước và đường ống dẫn khác)

- Hệ thống xử lý (không khí, nước, chất thải rắn và lỏng)

- Thiết bị (tủ an toàn sinh học chuyên dụng, nồi hấp)

- Nguồn cung cấp điện và nước, bao gồm cả máy phát điện dự phòng

- Bể rửa chân tại nơi ra vào

- Phòng tẩy trùng cho nhân viên và trang phục

- Sử dụng các kí hiệu

- Các biện pháp an ninh

- Cơ sở xử lý rác thải.

### 2.3 Yêu cầu về vận hành

Các trạm KDTV SNK được vận hành hoặc được cấp phép và kiểm tra bởi NPPO của nước nhập khẩu.

Cần có các qui trình cụ thể về vận hành khu trạm nhằm quản lý những nguy cơ đã được xác định trên chuyến hàng thực vật lưu giữ tại khu trạm. Cần có sổ tay hướng dẫn được phê chuẩn bởi NPPO nêu chi tiết thủ tục để trạm KDTV SNK đáp ứng được những mục tiêu đặt ra.

Các yêu cầu về vận hành bao gồm những chính sách và qui trình thích hợp liên quan đến soát xét quản lý, kiểm tra định kì, đào tạo nhân sự, hoạt động chung của trạm, lưu giữ hồ sơ và truy xuất nguồn gốc thực vật, lập kế hoạch dự phòng, sức khỏe và an toàn, tập hợp văn bản tài liệu.

#### 2.3.1 Yêu cầu đối với cán bộ

Các yêu cầu bao gồm:

- Một cán bộ quản lý có đủ trình độ chịu trách nhiệm chung về việc duy trì trạm KDTV SNK và toàn bộ các hoạt động;

- Cán bộ đủ năng lực đảm trách các công việc duy trì và hoạt động liên quan tại trạm KDTV SNK theo sự phân công;

- Nhân viên hỗ trợ kỹ thuật đủ trình độ.

#### 2.3.2 Các qui trình kỹ thuật và vận hành

Các yêu cầu về kĩ thuật và vận hành cần được thể hiện bằng văn bản dưới dạng sổ tay hướng dẫn bao gồm:

- Quy trình trình xử lý và làm sạch nhằm ngăn chặn sự lây lan của dịch hại qua tay, dụng cụ cắt, giầy dép và trang phục, cũng như những qui trình khử trùng bề mặt của trạm KDTV SNK;

- Mô tả về cách thức xử lý, lấy mẫu và vận chuyển thực vật tới phòng thí nghiệm chẩn đoán để kiểm tra đối tượng kiểm dịch;

- Sử dụng các thiết bị cách ly chuyên dụng (như tủ an toàn sinh học, lồng), nếu cần thiết;

- Quy định về đánh giá và kiểm soát (bảo trì và hiệu chuẩn) các thiết bị (như nồi hấp hoặc các tủ chứa an toàn sinh học);

- Sử dụng các thiết bị bảo hộ cá nhân chuyên dụng và dùng một lần;

- Quy định về giám sát sự xuất hiện của dịch hại tại khu trạm và địa bàn xung quanh (ví dụ, sử dụng bẫy);

- Kiểm tra và/hoặc thử nghiệm phù hợp nhằm phát hiện đối tượng KDTV;

- Kế hoạch dự phòng hiệu quả đối với việc rối loạn hoặc thất bại trong quá trình kiểm dịch (ví dụ: hỏa hoạn, phán tán thực vật hoặc dịch hại ra bên ngoài, mất điện hoặc những tình trạng khẩn cấp khác)

- Quy trình giải quyết các trường hợp vi phạm, kể cả việc xử lý hoặc tiêu hủy vật liệu thực vật bị nhiễm đối tượng KDTV và quá trình bảo quản tiêu bản theo yêu cầu;

- Hệ thống truy xuất nguồn gốc những chuyến hàng qua trạm KDTV SNK (hệ thống truy xuất nguồn gốc cần sử dụng một mã nhận diện duy nhất từ chuyến hàng đến thông qua các công đoạn từ vận chuyển, xử lý và thử nghiệm đến khi giải phóng hoặc tiêu hủy lô hàng trong trường hợp nhiễm dịch hại);

- Tiêu chí xác định các yếu tố cấu thành sự vi phạm kiểm dịch và hệ thống báo cáo nhằm đảm bảo bất kì sự vi phạm nào và các biện pháp được chấp nhận đều được báo cáo ngay cho NPPO;

- Quy trình mô tả cách thức rà soát, sửa đổi và kiểm soát văn bản, tài liệu;

- Lịch trình kiểm tra bên trong và bên ngoài nhằm đảm bảo khu trạm đáp ứng đủ các yêu cầu (ví dụ: sự thống nhất trong cấu trúc, các yêu cầu về vệ sinh);

- Quy định về tiêu hủy và xử lý các chuyến hàng bị nhiễm dịch hại;

- Quy trình về khử trùng và tiêu hủy chất thải, kể cả bao bì, môi trường nuôi trồng;

- Hạn chế sự tiếp xúc của nhân viên với thực vật có nguy cơ nằm ngoài khu trạm;

- Biện pháp kiểm soát sự ra vào của nhân viên có thẩm quyền và khách viếng thăm (ví dụ, tháp tùng khách, giới hạn tiếp cận đối với khách và hệ thống ghi chép sự ra vào của khách);

- Quy trình nhằm đảm bảo tất cả cán bộ nhân viên có đủ trình độ bao gồm cả đào tạo và kiểm tra khi thích hợp.

#### 2.3.3 Lưu giữ hồ sơ

Cần có các hồ sơ tài liệu sau:

- Sơ đồ mặt bằng của trạm KDTV SNK mô tả vị trí khu trạm trên địa bàn cùng tất cả các lối ra vào trạm và các điểm tiếp cận;

- Biên bản ghi chép các hoạt động được diễn ra tại khu trạm (ví dụ: hoạt động của cán bộ, kiểm tra, phát hiện dịch hại, giám định dịch hại, thử nghiệm, xử lý, tiêu hủy và giải phóng chuyến hàng đã được kiểm dịch);

- Hồ sơ toàn bộ các chuyến hàng thực vật tại khu trạm và nơi xuất xứ của chúng;

- Hồ sơ về các thiết bị;

- Danh sách nhân viên trong trạm KDTV SNK và những cá nhân có thẩm quyền ra vào khu trạm (hoặc những khu vực cụ thể);

- Hồ sơ về đào tạo và các kĩ năng của nhân viên;

- Hồ sơ về khách đến thăm.

### 2.4 Chẩn đoán và loại bỏ đối tượng KDTV hoặc môi giới truyền dịch hại

Trạm KDTV SNK cần xây dựng hệ thống giám sát sự xuất hiện của dịch hại trong trạm và khu vực lân cận cũng như hệ thống phát hiện và giám định đối tượng KDTV hoặc sinh vật môi giới có khả năng truyền đối tượng kiểm dịch. Trạm KDTV SNK cần tiếp cận với kiến thức chẩn đoán có thể từ đội ngũ nhân viên trong trạm hoặc từ bên ngoài. Trong bất kì trường hợp nào, quyết định chẩn đoán cuối cùng phải thuộc về NPPO.

Trạm KDTV SNK cần tiếp cận được với kiến thức chuyên môn và phương tiện hoặc thiết bị xử lý, loại bỏ hoặc tiêu hủy vật liệu thực vật bị phát hiện nhiễm dịch hại tại trạm một cách nhanh nhất.

### 2.5 Kiểm tra trạm KDTV SNK

Tổ chức bảo vệ thực vật quốc gia (NPPO) cần định kỳ tiến hành kiểm tra chính thức trạm KDTV SNK nhằm đảm bảo trạm đáp ứng được yêu cầu về vận hành và cơ sở vật chất.

## 3. Hoàn tất quá trình KDTV SNK

Các chuyến hàng thực vật chỉ được giải phóng khỏi trạm KDTV SNK khi chúng được chứng nhận là không nhiễm đối tượng KDTV.

Thực vật nhiễm đối tượng KDTV cần được xử lý khử trùng hoặc bị tiêu hủy. Việc tiêu hủy phải được tiến hành theo cách loại bỏ mọi khả năng trốn thoát của dịch hại khỏi trạm KDTV SNK (ví dụ : xử lý hóa học, thiêu đốt, hấp).

Trong những hợp đặc biệt, khi thực vật bị nhiễm dịch hại hoặc nghi nhiễm dịch có thể được:

- Chuyển tới một trạm khác để tiếp tục kiểm tra, thử nghiệm và xử lý;

- Trả lại nước xuất xứ hoặc chuyển đến một quốc gia khác trong điều kiện an toàn/hạn chế và bảo đảm phù hợp với các yêu cầu KDTV nhập khẩu của nước nhận hoặc có sự nhất trí của NPPO;

- Lưu trữ làm tài liệu tham chiếu cho công tác khoa học và kĩ thuật của KDTV;

Trong bất kì trường hợp nào, cần xem xét triệt để các nguy cơ dịch hại liên quan đến việc vận chuyển hàng thực vật.

Việc hoàn tất quá trình KDTV sau nhập khẩu cần được lưu bằng văn bản tại NPPO.

Phụ lục chỉ nhằm mục đích tham khảo và không phải là một phần quy định của tiêu chuẩn

# PHỤ LỤC 1: Yêu cầu đối với trạm PEQ

Các yêu cầu sau đây có thể được các NPPO xem xét đối với trạm KDTV SNK khi tiếp nhận các chuyến hàng thực vật. Các yêu cầu này dựa trên đặc tính sinh học của đối tượng KDTV có tiềm năng đi theo thực vật. Các yêu cầu khác cần có nhằm giải quyết những nguy cơ do dịch hại cụ thể gây ra.

**Những yêu cầu chung đối với trạm KDTV SNK**

* Cách ly thực vật với các khu vực khác như văn phòng của nhân viên
* Có biện pháp bảo vệ thích hợp nhằm bảo đảm thực vật không bị tiếp cận hoặc di dời khỏi trạm KDTV SNK mà không được cấp phép phù hợp.
* Thực vật sinh trưởng trong môi trường gieo trồng không nhiễm dịch hại (ví dụ khử trùng bầu chứa hoặc sử dụng môi trường gieo trồng ít đất).
* Trồng thực vật trên giá cao.
* Đảm bảo điều kiện gieo trồng phù hợp cho thực vật nhập khẩu (nhiệt độ, ánh sáng và độ ẩm).
* Tạo điều kiện thuận lợi cho việc phát triển các dấu hiệu và triệu chứng của dịch hại được thể hiện.
* Kiểm soát dịch hại bản địa (như loài gặm nhấm, bọ phấn và kiến) và loại bỏ chúng khỏi khu vực trạm bằng việc dán kín tất cả điểm dịch hại có thể xâm nhập, bao gồm cả các đường ống dẫn điện và nước (trừ các thiết bị mở trên mặt đất)
* Có hệ thống và phương tiện khử trùng, làm sạch hoặc tiêu hủy chất thải (kể cả các thực vật nhiễm dịch hại) và thiết bị (như dụng cụ cắt) trước khi đưa ra khỏi trạm.
* Hệ thống tưới hợp lý nhằm ngăn chặn sự di chuyển và lây lan của dịch hại.
* Đối với nhà kính và nhà lưới: bề mặt sàn cần được làm bằng vật liệu trơn nhẵn và không thấm nước để dễ dàng lau rửa và làm sạch.
* Đối với nhà kính và nhà lưới: trần và tường phải được làm bằng chất liệu có khả năng chống chịu được với sự xuống cấp và hạn chế sự tấn công của côn trùng và động vật chân đốt.
* Có trang phục bảo hộ (áo khoác trong phòng thí nghiệm, giày ủng, và bọc giầy, găng tay dùng một lần) dành cho cán bộ và khách thăm, đồng thời cần phải được cởi bỏ khi rời khỏi trạm.
* Vệ sinh các nhân khi ra khỏi trạm KDTV SNK và các khu vực chứa vật thể mang nguy cơ.

|  |  |
| --- | --- |
| **Đặc tính sinh học (của đối tượng KDTV)** | **Yêu cầu đối với trạm PEQ** |
| Dịch hại chuyên lây truyền qua cành ghép (ví dụ: một số loại virus hoặc phytoplasmas nhưng không có môi giới truyền bệnh) | * Phương tiện của trạm có thể bao gồm khu thực địa, nhà lưới, nhà kính hoặc phòng thí nghiệm * Cần qui định rõ ranh giới của trạm KDTV SNK. * Có cách ly phù hợp với cây chủ tiềm năng * Vật liệu cây chủ chỉ giới hạn trong trạm. |
| Dịch hại chỉ lây lan qua đất, nước hoặc trong môi giới bị lây lan bởi đất và nước (ví dụ tuyến trùng bào nang và nepoviruses) | * Cơ sở vật chất của trạm bao gồm nhà lưới, hầm hoặc nhà kính. * Đóng kín cửa sổ và cửa ra vào khi không sử dụng, khi mở, cửa sổ cần vừa khít với lưới che * Có chỗ rửa chân * Sàn không thấm nước * Có phương tiện xử lý nước và rác thải hợp lý (khi ra vào trạm KDTV SNK) nhằm diệt các đối tượng KDTV * Có hệ thống xử lý đất hợp lý để loại bỏ những loài môi giới lan truyền dịch hại trong đất * Tách riêng thực vật ra khỏi đất * Ngăn nước thải lẫn vào nguồn nước sử dụng để tưới tiêu cây trồng * Có cài đặt bẫy đất trong các mương nước |
| Các dịch hại hoặc môi giới truyền dịch hại phát tán trong không khí hoặc di chuyển và có kích thước lớn hơn 0.2 mm (ví dụ như rệp) | * Các thiết bị của trạm gồm có nhà lưới, nhà kính hoặc phòng thí nghiệm * Cửa tự đóng, có niêm phong và vừa khít với chổi quét * Lối vào bằng hai cửa có hành lang ở giữa hoặc phòng chờ. * Bồn rửa tay tự động có trong phòng chờ. * Phòng chờ được xịt thuốc diệt côn trùng. * Mắt lưới nhỏ hơn 0.2 mm (70 mắt lưới) (cho khu vực nhà lưới và lỗ thông hơi) để ngăn chặn dịch hại hoặc môi giới xâm nhập hoặc trốn thoát. * Cây ký chủ khác của đối tượng KDTV không xuất hiện trong phạm vi khoảng cách mà dịch hại hoặc môi giới có khả năng phát tán từ trạm KDTV SNK (theo bất kỳ hướng nào). * Chương trình giám sát dịch hại bao gồm việc sử dụng bẫy dính, bẫy đèn hoặc thiết bị kiểm soát côn trùng khác * Dòng khí lưu thông nội bộ được đưa vào trong hệ thống sưởi ấm, thông gió và điều hòa không khí. * Có hệ thống cung cấp điện dự phòng cho hệ thống lưu thông không khí và để bảo trì các thiết bị khác. * Khử trùng hoặc làm sạch các loại chất thải và thiết bị (như dụng cụ cắt) trước khi chúng được đưa ra khỏi trạm KDTV SNK. |
| Dịch hại hoặc môi giới truyền dịch hại phát tán trong không khí hoặc di chuyển và có kích cỡ nhỏ hơn 0.2 mm (như một vài loài nhện hoặc bọ trĩ) | * Các cơ sở của trạm có thể bao gồm nhà kính được xây bằng kính thông thường, vật liệu polycarbonate chịu lực hoặc nhựa hai lớp, hoặc phòng thí nghiệm * Có cửa tự đóng khít, có niêm phong và chổi quét * Lối vào qua hai cửa, phân cách bởi hành lang hoặc phòng chờ * Bồn rửa tay tự động tại phòng chờ * Phòng chờ được phun thuốc diệt côn trùng * Cây ký chủ khác của đối tượng KDTV không xuất hiện trong phạm vi khoảng cách mà dịch hại hoặc môi giới có khả năng phát tán từ trạm KDTV SNK (theo bất kỳ hướng nào). * Chương trình kiểm soát dịch hại bao gồm việc sử dụng bẫy dính, bẫy đèn hoặc các dụng cụ kiểm soát côn trùng khác. * Dòng khí lưu thông nội bộ được đưa vào trong hệ thống sưởi, hệ thống thông khí và điều hòa nhiệt độ. * Hệ thống lọc khí hiệu suất cao (HEPA) hoặc tương đương (Lọc HEPA có thể giữ lại 99.97% các phân tử có đường kính 0.3 micron) * Khử trùng hoặc làm sạch chất thải và thiết bị (như dụng cụ cắt) trước khi mang ra khỏi trạm KDTV SNK. * Có hệ thống điện dự phòng để đảm bảo hệ thống lưu thông không khí theo áp suất gradients và duy trì các thiết bị khác * Đồng bộ hệ thống cung cấp và thải khí để đảm bảo luồng khí lưu thông mọi lúc. |
| Các dịch hại di chuyển tốt hoặc dễ lây lan (nấm gỉ sắt, vi khuẩn có trong không khí) | * Các cơ sở của trạm có thể bao gồm nhà kính được xây bằng kính thông thường, vật liệu polycarbonate chịu lực hoặc nhựa hai lớp, hoặc phòng thí nghiệm * Bồn rửa chân * Cửa tự đóng kín khít, có niêm phong với chổi quét * Lối vào qua hai cửa được phân cách bởi hành lang hoặc phòng chờ * Có bồn rửa tay tự động tại phòng chờ * Cây ký chủ khác của đối tượng KDTV không xuất hiện trong phạm vi khoảng cách mà dịch hại hoặc môi giới có khả năng phát tán từ trạm KDTV SNK (theo bất kỳ hướng nào). * Dòng khí lưu thông nội bộ được đưa vào trong hệ thống sưởi, hệ thống thông khí và điều hòa nhiệt độ * Có hệ thống điện dự phòng để đảm bảo hệ thống lưu thông không khí theo áp suất gradients và để duy trì các thiết bị khác * Không có lối vào trực tiếp từ bên ngoài tòa nhà. * Các cửa được phân cách khoảng trống có khóa liên tiếp, chỉ cho phép mở từng cửa một lúc * Hệ thống lọc khí hiệu suất cao (HEPA) hoặc tương đương (Lọc HEPA có thể giữ lại 99.97% các phân tử có đường kính 0.3 micron) * Toàn bộ khí thải được lọc qua bộ lọc HEPA * Khử trùng hoặc làm sạch chất thải rắn và lỏng và thiết bị (ví dụ, dụng cụ cắt) trước khi đưa ra khỏi trạm KDTV SNK * Đồng bộ hệ thống cung cấp và thải khí để đảm bảo luồng khí lưu thông mọi lúc. * Lắp chuông cảnh báo. * Có vòi tắm hoa sen (dành cho nhân viên khi rời khỏi trạm) * Hệ thống giám sát các quá trình hoạt động như thay đổi áp suất và xử lý nước thải nhằm hạn chế hỏng hóc đối với các hệ thống thiết yếu |



IPPC

Công ước quốc tế về Bảo vệ thực vật (IPPC) là một thỏa thuận quốc tế về sức khỏe thực vật nhằm mục đích bảo vệ cây trồng và thực vật hoang dã bằng cách ngăn ngừa dịch hại du nhập và lây lan. Đi lại và thương mại quốc tế hiện đang phát triển hơn bao giờ hết. Cùng với con người và hàng hóa vận chuyển trên toàn thế giới, dịch hại có nguy cơ đi theo người và hàng hóa.

**Cơ cấu tổ chức**

* Có trên 180 nước thành viên.
* Mỗi nước thành viên đều có một Tổ chức Bảo vệ thực vật quốc gia (NPPO) và một đầu mối liên lạc chính thức với IPPC.
* Chín Tổ chức Bảo vệ thực vật vùng (RPPO) cùng nhau hoạt động để thực hiện IPPC tại các nước.
* IPPC phối hợp với các tổ chức quốc tế liên quan để hỗ trợ tăng cường năng lực quốc gia và khu vực.
* Ban thư ký IPPC do Tổ chức Lương thực và Nông nghiệp của Liên hợp quốc (FAO) quy định.



Tổ chức Lương thực và Nông nghiệp của Liên hợp quốc

Ban thư ký IPPC

Viale delle Terme di Caracalla, 00153 Rome, Italy

Tel: +39 06 5705 4812

Email: ippc@fao.org  | Web: www.ippc.int